

Số: 528/QĐ-UBND

Đắk Lao, ngày 23 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các quy trình chung và quy trình thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Đắk Lao**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẮK LAO**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKH-CN, ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKH-CN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học & Công nghệ về việc công bố mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tại địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND, ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông;*

*Xét đề nghị của Bộ phận Văn phòng - Thống kê.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các quy trình chung và quy trình thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Đắk Lao.

**Điều 2.** Các ngành UBND xã căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung từng quy trình trong danh mục hệ thống tài liệu thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện đầy đủ và chính xác những yêu cầu cụ thể của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định về việc ban hành danh mục hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các quy trình chung và quy trình thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Đắk Lao đã ban hành.

**Điều 4.** Văn phòng UBND; Ban chỉ đạo ISO, các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Sở KH&CN tỉnh;
- UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, PCT UBND;
- Lưu VT, Ban ISO.

**CHỦ TỊCH**  
Ủy ban Nhân dân xã Đăk Lao  
Cơ quan: Tầm Đăk Nông  
Thời gian ký: 23/08/2023 09:37:44



**Lê Minh Tài**

**DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI LIỆU**  
**Theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các quy trình chung**  
**và quy trình thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền**  
**giải quyết của UBND xã Đắc Lao**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 8 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân xã Đắc Lao)*

<b>STT</b>	<b>TÊN TÀI LIỆU</b>	<b>MÃ HIỆU</b>
<b>A</b>	<b>QUY TRÌNH HỆ THỐNG</b>	
1.	Bảng phân tích bối cảnh	PTBC
2.	Bản mô tả hệ thống quản lý chất lượng	HTQLCL
3.	Chính sách chất lượng	CSCL
4.	Mục tiêu chất lượng	MTCL
5.	Phiếu khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	PKS
6.	Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội	RRCH
7.	Mô tả công việc các chức danh của UBND xã	MTCV
8.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT-HT-01
9.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-HT-02
10.	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-HT-03
11.	Quy trình kiểm soát sự KPH và hành động khắc phục	QT-HT-04
<b>B</b>	<b>QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực: Hộ tịch</b>	
1.	Quy trình đăng ký khai sinh	QT-HT-01
2.	Quy trình đăng ký kết hôn	QT-HT-02
3.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-HT-03
4.	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QT-HT-04
5.	Quy trình đăng ký khai tử	QT-HT-05
6.	Quy trình đăng ký khai sinh lưu động	QT-HT-06
7.	Quy trình đăng ký kết hôn lưu động	QT-HT-07
8.	Quy trình đăng ký khai tử lưu động	QT-HT-08
9.	Quy trình đăng ký giám hộ	QT-HT-09
10.	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-HT-10
11.	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-HT-11
12.	Quy trình cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-HT-12
13.	Quy trình thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT-HT-13
14.	Quy trình đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-HT-14
15.	Quy trình đăng ký lại kết hôn	QT-HT-15

16.	Quy trình đăng ký lại khai tử	QT-HT-16
17.	Quy trình cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-HT-17
18.	Quy trình liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-18
19.	Quy trình liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-19
20.	Quy trình cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài	QT-HT-20
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực: Chứng thực</b>	
1.	Quy trình chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-CT-01
2.	Quy trình Chứng thực di chúc	QT-CT-02
3.	Quy trình Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-CT-03
4.	Quy trình Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-04
5.	Quy trình Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-05
6.	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-CT-06
7.	Quy trình Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điếm chỉ được)	QT-CT-07
8.	Quy trình Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-CT-08
9.	Quy trình sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-CT-09
10.	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-CT-10
11.	Quy trình cấp bản sao từ sổ gốc	QT-CT-11
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực: Hòa giải ở cơ sở</b>	
1.	Quy trình bầu hòa giải viên (cấp xã)	QT-HG-01
2.	Quy trình bầu Tổ trưởng Tổ hòa giải (cấp xã)	QT-HG-02
3.	Quy trình thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT-HG-03
4.	Quy trình thanh toán thù lao cho hòa giải viên (cấp xã)	QT-HG-04
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực: Nuôi con nuôi</b>	
1.	Quy trình đăng ký nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-01
2.	Quy trình đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-02

<b>V</b>	<b>Lĩnh vực: Phổ biến, giáo dục, pháp luật</b>	
1.	Quy trình công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT-PBGD-01
2.	Quy trình cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT-PBGD-02
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại</b>	
1.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-GQKN-01
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo</b>	
1.	Quy trình giải quyết tố cáo	QT-GQTC-01
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực: Tiếp công dân</b>	
1.	Quy trình tiếp công dân	QT-TCD-01
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực: Xử lý đơn thư</b>	
1.	Quy trình xử lý đơn	QT-XLĐT-01
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực: Đất đai</b>	
1.	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai	QT-ĐĐ-01
2.	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-ĐĐ-02
3.	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất	QT-ĐĐ-03
4.	Quy trình đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp	QT-ĐĐ-04
5.	Quy trình đính chính giấy chứng nhận đã cấp	QT-ĐĐ-05
6.	Quy trình cấp đổi giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	QT-ĐĐ-06
7.	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất	QT-ĐĐ-07
8.	Quy trình đăng ký, cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QT-ĐĐ-08
9.	Quy trình đăng ký, cấp giấy CNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng QSD đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	QT-ĐĐ-09
10.	Quy trình tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT-ĐĐ-10
11.	Quy trình bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT-ĐĐ-11
12.	Quy trình đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-ĐĐ-12
13.	Quy trình đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-ĐĐ-13

14.	Quy trình đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	QT-ĐĐ-14
15.	Quy trình chuyển đổi quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	QT-ĐĐ-15
16.	Quy trình đăng ký biến động về QSD đất, tài sản gắn liền với đất do người sử dụng đất do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy CN	QT-ĐĐ-16
17.	Quy trình đăng ký biến động về QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá QSD đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân	QT-ĐĐ-17
18.	Quy trình đăng ký biến động về QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	QT-ĐĐ-18
19.	Quy trình đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT-ĐĐ-19
20.	Quy trình xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-ĐĐ-20
21.	Quy trình xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT-ĐĐ-21
22.	Quy trình đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT-ĐĐ-22
23.	Quy trình gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-ĐĐ-23
24.	Quy trình thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT-ĐĐ-24
25.	Quy trình đăng ký biến động trong trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng thời chỉnh lý hoặc cấp đổi giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-ĐĐ-25
26.	Quy trình đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận	QT-ĐĐ-26

27.	Quy trình đăng ký tách thửa đất đồng thời chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-ĐĐ-27
28.	Quy trình đăng ký chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận	QT-ĐĐ-28
29.	Quy trình đăng ký tách thửa đất thành thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu đồng thời với việc xin được hợp thửa đất đó với thửa đất khác liền kề để tạo thành thửa đất mới có diện tích bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được tách thửa	QT-ĐĐ-29
30.	Quy trình đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	QT-ĐĐ-30
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực: Môi trường</b>	
1.	Quy trình xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-MT-01
2.	Quy trình tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT-MT-02
3.	Quy trình xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	QT-MT-03
4.	Quy trình xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT-MT-04
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực: Tài nguyên nước</b>	
1.	Quy trình đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT-ĐTND-01
2.	Quy trình xoá đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-ĐTND-02
3.	Quy trình đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-ĐTND-03
4.	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-ĐTND-04
<b>XIII</b>	<b>Lĩnh vực: Hợp tác xã</b>	
1.	Quy trình <a href="#">Thông báo thành lập tổ hợp tác</a>	QT-HTX-01
2.	Quy trình <a href="#">Thông báo thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác.</a>	QT-HTX-02
3.	Quy trình Thông báo <a href="#">chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác</a>	QT-HTX-03
<b>XIV</b>	<b>Lĩnh vực: Lâm nghiệp</b>	
1.	Quy trình đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QT-LN-01
2.	Quy trình xác nhận của UBND xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán	QT-LN-02
3.	Quy trình xác nhận của UBND xã đối với cây cảnh, cây bóng mát	QT-LN-03
<b>XV</b>	<b>Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện</b>	

1.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	QT-TĐ-01
2.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	QT-TĐ-02
<b>XVI</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>	
1.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-NN-01
<b>XVII</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>	
1.	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	QT-TT-01
<b>XVIII</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>	
1.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-TL-01
2.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-TL-02
3.	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT-TL-03
<b>XIX</b>	<b>Lĩnh vực: Thư viện</b>	
1.	Quy trình đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	QT-TV-01
<b>XX</b>	<b>Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở</b>	
1.	Quy trình xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm	QT-VH-01
2.	Quy trình xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	QT-VH-02
<b>XXI</b>	<b>Lĩnh vực: Thể dục thể thao</b>	
1.	Quy trình công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT-TDĐT-01
<b>XXII</b>	<b>Lĩnh vực: Tôn giáo</b>	
1.	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TG-01
2.	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TG-02
3.	Quy trình thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-03



4.	Quy trình thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-TG-04
5.	Quy trình Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-TG-05
6.	Quy trình Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT-TG-06
7.	Quy trình Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-07
8.	Quy trình Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-08
9.	Quy trình Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT-TG-09
10.	Quy trình Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TG-10
11.	Quy trình Thủ tục thông báo người đại diện hoặc Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng	QT-TG-11
12.	Quy trình Thủ tục thông báo dự kiến hoạt động tín ngưỡng diễn ra vào năm sau tại cơ sở tín ngưỡng	QT-TG-12
13.	Quy trình Thủ tục đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hằng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở	QT-TG-13
14.	Quy trình Thủ tục đăng ký người vào tu	QT-TG-14
15.	Quy trình Thủ tục thông báo về việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng	QT-TG-15
<b>XXIII</b>	<b>Lĩnh vực: Lễ hội</b>	
1.	Quy trình Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT-LH-01
<b>XXIV</b>	<b>Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo</b>	
1.	Quy trình cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-GDĐT-01
2.	Quy trình thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDĐT-02
3.	Quy trình cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-GDĐT-03
4.	Quy trình sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-GDĐT-04
5.	Quy trình giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-GDĐT-05
6.	Quy trình đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường.	QT-GDĐT-06
<b>XXV</b>	<b>Lĩnh vực: Thi đua, Khen thưởng</b>	
1.	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-TĐKT-01
2.	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT-TĐKT-02
3.	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QT-TĐKT-03

4.	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT-TĐKT-04
5.	Quy trình xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-TĐKT-05
<b>XXVI</b>	<b>Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng</b>	
1.	Quy trình kê khai tài sản, thu nhập	QT-PCTN-01
2.	Quy trình công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	QT-PCTN-02
3.	Quy trình xác minh tài sản, thu nhập	QT-PCTN-03
4.	Quy trình tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-PCTN-04
5.	Quy trình thực hiện việc giải trình	QT-PCTN-05
6.	<b>Quy trình xử lý đơn tại cấp xã</b>	<b>QT-PCTN-06</b>
<b>XXVII</b>	<b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>	
1.	Quy trình xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT-BTXH-01
2.	Quy trình tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào các cơ sở bảo trợ xã hội	QT-BTXH-02
3.	Quy trình xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-03
4.	Quy trình đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-04
5.	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-BTXH-05
6.	Quy trình hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT-BTXH-06
7.	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-BTXH-07
8.	Quy trình tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QT-BTXH-08
9.	Quy trình điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	QT-BTXH-9
10.	Quy trình thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-BTXH-10
11.	Quy trình <u>thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</u>	QT-BTXH-11
12.	Quy trình hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc quy định tại điều 16 nghị định số 136/2013/NĐ-CP	QT-BTXH-12
13.	Quy trình hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH (bao gồm cả NKT đặc biệt nặng)	QT-BTXH-13
14.	Quy trình hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có NKT đặc biệt nặng	QT-BTXH-14

15.	Quy trình Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, xã vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT-BTXH-15
16.	Quy trình Tiếp nhận người khuyết tật đặc biệt nặng vào cơ sở bảo trợ xã hội	QT-BTXH-16
17.	Quy trình trợ cấp xã hội hàng tháng đối với trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	QT-BTXH-17
18.	Quy trình trợ cấp hàng tháng đối với người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất	QT-BTXH-18
19.	Quy trình TCHT đối với trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, trợ cấp ưu đãi NCC hàng tháng, TCHT khác	QT-BTXH-19
20.	Quy trình Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết; có chồng hoặc vợ mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất (người đơn thân nghèo đang nuôi con nhỏ)	QT-BTXH-20
21.	Quy trình trợ cấp XH hàng tháng đối với người cao tuổi	QT-BTXH-21
22.	Quy trình đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT-BTXH-22
23.	Quy trình công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT-BTXH-23
24.	Quy trình công nhận hộ thoát nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT-BTXH-24
<b>XXVIII</b>	<b>Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>	
1.	Quy trình Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT-TNXH-01
2.	Quy trình Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT-TNXH-02
3.	Quy trình Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	QT-TNXH-03
4.	Quy trình Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	QT-TNXH-04
5.	Quy trình Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-TNXH-05
<b>XXIX</b>	<b>Lĩnh vực: Người có công</b>	
1.	Quy trình Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ, đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-01
2.	Quy trình Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT-NCC-02
3.	Quy trình cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-03

4.	Quy trình hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT-NCC-04
5.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	QT-NCC-05
6.	Quy trình hưởng mai tang phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT-NCC-06
7.	Quy trình giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	QT-NCC-07
8.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT-NCC-08
9.	Quy trình giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT-NCC-9
10.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT-NCC-10
11.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	QT-NCC-11
12.	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-12
13.	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-13
14.	Quy trình giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT-NCC-14
15.	Quy trình giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-NCC-15
16.	Quy trình giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-NCC-16
17.	Quy trình sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT-NCC-17
18.	Quy trình di chuyển hồ sơ người có công với CM	QT-NCC-18
19.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ	QT-NCC-19
20.	Quy trình thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT-NCC-21
21.	Quy trình mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT-NCC-22
22.	Quy trình xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT-NCC-23
23.	Quy trình bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ LS	QT-NCC-24
24.	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-25
25.	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-26
26.	Quy trình Thủ tục lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT-NCC-27

27.	Quy trình thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công và con của họ	QT-NCC-28
28.	Quy trình hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-NCC-29
29.	Quy trình giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-NCC-30
30.	Thủ tục giám định vết thương còn sót	QT-NCC-31
31.	Thủ tục cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT-NCC-21
<b>XXX</b>	<b>Lĩnh vực: Lao động tiền lương</b>	
2.	Quy trình <a href="#">Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia</a>	QT-LĐTL-01
<b>XXXI</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b>	
1	Quy trình chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	QT-BVCSTE-01
2	Quy trình thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em.	QT-BVCSTE-02
3	Quy trình đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	QT-BVCSTE-02
4	Quy trình phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, hoặc có nguy cơ bị bạo lực bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	QT-BVCSTE-04
5	Quy trình chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	QT-BVCSTE-05
6	Quy trình áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-BVCSTE-06
<b>XXXII</b>	<b>Lĩnh vực chính sách</b>	
1	Quy trình giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ.  Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ đi tìm mộ liệt sĩ.	QT-CS-01
2	Quy trình xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.	QT-CS-03

3	Quy trình xác nhận liệt sĩ đối với trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điểm K Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ.	QT-CS-04
4	Quy trình cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ.	QT-CS-05
5	Quy trình xác nhận đối với người bị thương đã chuyển ra ngoài quân đội chưa được giám định thương tật.	QT-CS-06
6	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).	QT-CS-07
7	Quy trình giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	QT-CS-08
8	Quy trình xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước.	QT-CS-09
<b>XXXIII</b>	<b>Lĩnh vực khen thưởng</b>	
1	Quy trình xét truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.	QT-KT-01
2	Quy trình xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.	QT-KT-02
<b>XXXIV</b>	<b>Lĩnh vực: Đấu thầu</b>	
1.	Quy trình Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	QT-ĐT-01
2.	Quy trình Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	QT-ĐT-02
3.	Quy trình Lựa chọn nhà thầu qua mạng	QT-ĐT-03
4.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu áp dụng cho tất cả các cấp	QT-ĐT-04
5.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	QT-ĐT-05
6.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	QT-ĐT-06

7.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá	QT-ĐT-07
8.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	QT-ĐT-08
9.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hoá	QT-ĐT-09
10.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.	QT-ĐT-10
11.	Quy trình Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	QT-ĐT-11
12.	Quy trình phê duyệt Danh sách ngắn	QT-ĐT-12
13.	Quy trình cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu	QT-ĐT-13
14.	Quy trình phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC	QT-ĐT-14
15.	Quy trình làm rõ HSMT, HSYC	QT-ĐT-15
16.	Quy trình Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu:	QT-ĐT-16
17.	Quy trình Làm rõ hồ sơ dự thầu	QT-ĐT-17
18.	Quy trình Mở thầu	QT-ĐT-18
19.	Quy trình Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.	QT-ĐT-19
20.	Quy trình Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu	QT-ĐT-20
21.	Quy trình Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	QT-ĐT-21
<b>XXXV</b>	<b>Lĩnh vực: Dân quân tự vệ</b>	
<b>1</b>	<b>Quy trình Xét chế độ đối với dân quân tự vệ (DQTV) bị tai nạn</b>	<b>QT-DQTV-01</b>
<b>2</b>	<b>Quy trình Xét chế độ đối với DQTV bị ốm đau, chết</b>	<b>QT-DQTV-02</b>
<b>C</b>	<b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ NỘI BỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến</b>	<b>QT-QLNB-01</b>
<b>2</b>	<b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”</b>	<b>QT-QLNB-02</b>

Tổng số 232 TTHC áp dụng ISO 9001:2015